VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2013 được sửa đổi bổ sung bởi:

Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Thông tư số 18/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng và Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng[1].

---

[1] Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng và Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Thông tư số 18/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[2]

Thông tư này quy định chi tiết về xác lập quyền, đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng; đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam;

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài là các đối tượng được quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chọn tạo giống cây trồng là quá trình lai hữu tính, gây đột biến hoặc áp dụng phương pháp khác để tạo các biến dị nhân tạo và chọn lọc tìm ra biến dị phù hợp với yêu cầu của sản xuất.

2. Phát hiện và phát triển giống cây trồng:

a) Phát hiện là hoạt động chọn lọc tìm ra biến dị tự nhiên có sẵn trong quần thể một giống cây trồng hoặc tìm ra nguồn gen mới có sẵn trong tự nhiên;

b) Phát triển là quá trình nhân và đánh giá để chọn ra biến dị hoặc nguồn gen phù hợp với yêu cầu của sản xuất.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Điều 4. Người đại diện hợp pháp, đại diện theo ủy quyền của chủ đơn

1. Người đại diện hợp pháp của chủ đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP gồm:

a) Trường hợp chủ đơn là tổ chức, cá nhân Việt Nam: người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của chủ đơn hoặc tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo ủy quyền của chủ đơn;

b) Trường hợp chủ đơn là tổ chức, cá nhân nước ngoài có trụ sở, địa chỉ thường trú tại Việt Nam hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam: người đứng đầu văn phòng đại diện hoặc đứng đầu chi nhánh tại Việt Nam hoặc tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo ủy quyền của chủ đơn;

c) Trường hợp chủ đơn là tổ chức, cá nhân nước ngoài không có trụ sở, địa chỉ thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam: tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo ủy quyền của chủ đơn.

2. [3]Đại diện theo ủy quyền của chủ đơn tiến hành các thủ tục về bảo hộ giống cây trồng theo quy định pháp luật về ủy quyền; giấy ủy quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Thông tư này[4]

1. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính: Tùy theo điều kiện tiếp nhận/trả kết quả của Cục Trồng trọt, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử (cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax):

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có đóng dấu của cơ sở đối với văn bản do cơ sở ban hành;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính. Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, khoản 2

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời gian trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: Cục Trồng trọt kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 08 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

4. Cách thức nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định hiện hành trực tiếp tại Cục Trồng trọt hoặc qua dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Cách thức trả kết quả: Cục Trồng trọt trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

6. Trong Thông tư này có nội dung thủ tục hành chính quy định khác với quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này thì thực hiện theo quy định đó.

7. Trường hợp các tài liệu trong hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật sở hữu trí tuệ phải dịch ra tiếng Việt, bản dịch được công chứng hoặc có xác nhận của người đăng ký.

8. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ đã nộp.

Điều 6. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi và tính mới của giống cây trồng[5]

1. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi là giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

a) Giống cây trồng mà vật liệu nhân giống hoặc vật liệu thu hoạch của giống đó được sử dụng một cách rộng rãi trên thị trường Việt Nam hoặc ở bất kỳ quốc gia nào tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ;

b) Giống cây trồng được bảo hộ hoặc được công nhận lưu hành hoặc công

nhận lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành, công nhận sản xuất thử, công nhận chính thức tại Việt Nam hoặc thuộc danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh ở bất kỳ quốc gia nào;

c) Giống cây trồng là đối tượng trong đơn đăng ký nhằm mục đích: bảo hộ giống cây trồng; công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách; danh mục giống ở bất kỳ quốc gia nào, nếu các đơn này không bị từ chối.

2. Tính mới đối với giống cây trồng

Giống cây trồng được coi là không còn tính mới sau mười hai (12) tháng kể từ ngày được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Giống được phép sản xuất, kinh doanh gồm: giống đã được công nhận chính thức; giống có tên trong danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; giống được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách; giống tự công bố lưu hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt.

Điều 7. Biểu mẫu về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng[6]

1. Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Phí, lệ phí bảo hộ quyền đối với giống cây trồng[7]

1. Phí, lệ phí về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 207/2016/TT-BTC).

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

2. Thời hạn nộp phí duy trì hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/2010/NĐ-CP).

3. Trường hợp Thông tư số 207/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản mới được ban hành.

Chương II
XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 9. Nhận đơn, chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng[8]

1. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng gồm các tài liệu:

a) Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (khảo nghiệm DUS)

- Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV: sử dụng Mẫu tờ khai kỹ thuật trong các tài liệu trên;

- Trường hợp giống đăng ký không thuộc loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV: sử dụng theo Mẫu tờ khai kỹ thuật tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy ủy quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện);

d) Ảnh chụp mẫu giống: Tối thiểu 03 ảnh màu, kích cỡ tối thiểu 9cm x 15cm thể hiện 3 tính trạng đặc trưng của giống đăng ký;

---

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

đ) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký (hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng, tài liệu chứng minh người đăng ký là đại diện hợp pháp của chủ sở hữu giống đăng ký);

e) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu đơn có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;

g) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

2. Ngày nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng là ngày đơn được Cục Trồng trọt tiếp nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trước khi Cục Trồng trọt ra quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc thông báo từ chối cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, người đăng ký có quyền chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho người khác. Người được chuyển nhượng gửi Hợp đồng chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng về Cục Trồng trọt.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng[9]

1. Trước thời điểm cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, tổ chức, cá nhân được sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ trong các trường hợp sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn nhưng không làm thay đổi bản chất đơn đăng ký bảo hộ: lỗi chính tả về tên, địa chỉ của người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả và tên giống cây trồng;

b) Thay đổi tên, địa chỉ của người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng có căn cứ pháp lý;

c) Thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký theo yêu cầu của chủ sở hữu (trường hợp nộp đơn qua đại diện); thay đổi tên, địa chỉ chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng do chuyển nhượng đơn theo hợp đồng hoặc thừa kế, kế thừa.

2. Hồ sơ:

a) Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn theo Mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng (trường hợp chuyển nhượng đơn đăng ký); hoặc căn cứ pháp lý chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng,có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

c) Tài liệu chứng minh việc thừa kế, kế thừa (có xác nhận của chủ sở hữu đăng ký), Tài liệu chứng minh quyền nhân thân giữa chủ sở hữu đăng ký và người nhận thừa kế; Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử của chủ sở hữu đăng ký (nếu có);

d) Giấy ủy quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp thay đổi đại diện.

3. Trình tự, thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt ban hành thông báo chấp nhận sửa đổi, bổ sung, trả kết quả cho người đăng ký và đăng tải thông báo trên cổng thông tin điện tử của Cục Trồng trọt. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Trồng trọt trả lời bằng văn bản cho người đăng ký có nêu rõ lý do.

4. Các yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì nộp lại đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.

Điều 11[10] (*được bãi bỏ*)

Điều 12[11] (*được bãi bỏ*)

Điều 13[12] (*được bãi bỏ*)

Điều 14 [13] (*được bãi bỏ*)

---

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[11] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[13] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Điều 15[14] (*được bãi bỏ*)

Điều 16. Khảo nghiệm DUS do người nộp đơn thực hiện[15]

1. Ngoài các tài liệu theo quy định tại Điều 174 Luật Sở hữu trí tuệ, người đăng ký tự thực hiện khảo nghiệm DUS đối với giống đăng ký bảo hộ nộp bổ sung các tài liệu sau đây:

a) Bản kê khai chi tiết điều kiện được tự khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, phù hợp với yêu cầu cụ thể tại tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV đối với từng loài cây trồng;

b) Kế hoạch khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Trồng trọt xem xét hồ sơ đăng ký tự thực hiện khảo nghiệm DUS. Người đăng ký liên hệ tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận phối hợp thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khảo nghiệm DUS. Đối với loài cây trồng chưa có tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận phối hợp thực hiện khảo nghiệm, Cục Trồng trọt thành lập tổ chuyên gia kiểm tra quá trình khảo nghiệm kỹ thuật. Tổ chuyên gia gồm: thành viên Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng, chuyên gia của tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận và chuyên gia về loài cây trồng đó.

3. Đối với loài cây trồng chưa có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV thì thực hiện theo tài liệu hướng dẫn do Cục Trồng trọt ban hành.

4. Kiểm tra tại chỗ

a) Đối với loài cây trồng chưa có tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận phối hợp thực hiện khảo nghiệm, tổ chuyên gia đánh giá thí nghiệm khảo nghiệm DUS ít nhất 01 lần vào thời điểm phù hợp theo tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV hoặc tài liệu hướng dẫn do Cục Trồng trọt ban hành.

---

[14] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

b) Nội dung kiểm tra: việc đáp ứng điều kiện được tự khảo nghiệm của tổ chức, cá nhân đăng ký; việc thực hiện khảo nghiệm; đánh giá tính khác biệt so với giống tương tự nhất; tính đồng nhất, tính ổn định.

c) Biên bản kiểm tra tại chỗ được lập theo Mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này và lưu trong hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng. Cục Trồng trọt căn cứ biên bản kiểm tra để thẩm định báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS do người đăng ký tự thực hiện.

5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm, tổ chức, cá nhân tự thực hiện khảo nghiệm DUS gửi Cục Trồng trọt báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Thời hạn nộp mẫu giống, quản lý và sử dụng mẫu giống cây trồng[16]

1. Đối với giống cây trồng thực hiện khảo nghiệm theo điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP: Nếu đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được chấp nhận, người đăng ký phải nộp mẫu giống phục vụ khảo nghiệm DUS và lưu mẫu cho tổ chức khảo nghiệm được công nhận trước thời vụ gieo trồng đầu tiên ít nhất 20 ngày.

2. Đối với giống cây trồng thực hiện khảo nghiệm theo các điểm b, c và d khoản 1 Điều 15 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP, giống cây trồng nhân giống vô tính: chủ sở hữu tự lưu mẫu giống.

3. Khối lượng và chất lượng mẫu giống gửi khảo nghiệm và lưu mẫu theo quy định tại tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV đối với loài cây trồng đó.

4. Chủ sở hữu giống cây trồng có trách nhiệm nộp mẫu giống được bảo hộ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu trong thời gian bằng bảo hộ giống cây trồng đó còn hiệu lực. Mẫu giống phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 3 Điều này, mức độ biểu hiện của các tính trạng phù hợp với bản mô tả giống tại thời điểm đăng ký bảo hộ.

5. Mẫu giống phải được lưu giữ trong thời hạn 25 năm đối với giống cây thân gỗ, cây nho; 20 năm đối với các giống cây trồng khác tính từ ngày cấp bằng bảo hộ giống cây trồng đó.

---

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

6. Việc sử dụng mẫu giống lưu ngoài các mục đích: Khảo nghiệm DUS, kiểm nghiệm, hậu kiểm nhằm xác định tính đúng giống hoặc giải quyết tranh chấp, khiếu kiện phải được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu giống cây trồng.

Điều 18[17] (*được bãi bỏ*)

Điều 19. Cấp, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng[18]

1. Cấp bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Hồ sơ: Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP. Bằng bảo hộ giống cây trồng được cấp theo Mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng

Chủ sở hữu có quyền yêu cầu cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng trong các trường hợp sau: mất, rách, hỏng, phai mờ đến mức không đọc được, thay đổi chủ sở hữu hoặc sai sót liên quan đến tên và địa chỉ của chủ bằng bảo hộ.

a) Hồ sơ:

Tờ khai yêu cầu cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

Tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ chủ bằng bảo hộ giống cây trồng đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu hoặc sai sót liên quan đến tên và địa chỉ của chủ bằng bảo hộ;

Bản chính bằng bảo hộ giống cây trồng (trừ trường hợp bằng bị mất);

Giấy ủy quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp nộp đơn qua đại diện.

b) Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt quyết

---

[17] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2022.

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

định cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng và trả kết quả cho người đăng ký. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Trồng trọt trả lời bằng văn bản cho người đăng ký và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp có ý kiến phản đối việc cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng của người thứ ba, việc xử lý ý kiến thực hiện theo các quy định tại Điều 184 Luật Sở hữu trí tuệ.

d) Bằng bảo hộ giống cây trồng cấp lại được cấp sau 30 ngày kể từ ngày đăng tải quyết định cấp lại trên Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Bằng bảo hộ giống cây trồng cấp lại phải được giữ nguyên số bằng và ghi rõ nội dung "cấp lại" tại góc trái phía dưới của bằng bảo hộ.

Điều 20. Đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng[19]

1. Trình tự, thủ tục đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng do không còn đáp ứng điều kiện về tính đồng nhất và tính ổn định như tại thời điểm cấp bằng thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP. Các trường hợp đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng khác thực hiện theo quy định tại Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng được khắc phục lý do bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

Hồ sơ yêu cầu phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng gồm: Đơn đề nghị phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng; Chứng cứ chứng minh đã khắc phục lý do bị đình chỉ; Biên lai nộp phí phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt ban hành quyết định phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng và trả kết quả cho người đăng ký. Quyết định phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng được đăng tải trên Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Trồng trọt trả lời bằng văn bản cho người đăng ký có nêu rõ lý do.

---

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

3. Hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng

Khi xác định ý kiến phản đối của người thứ 3 về một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 171 Luật Sở hữu trí tuệ là đủ căn cứ pháp lý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng và công bố trên Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

Điều 21[20] (*được bãi bỏ*)

Điều 22[21] (*được bãi bỏ*)

Chương III
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 23. Đào tạo về đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Nội dung đào tạo về đại diện quyền đối với giống cây trồng gồm 02 phần:

a) Pháp luật về quyền đối với giống cây trồng, gồm các quy định pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế, thỏa thuận song phương mà Việt Nam tham gia;

b) Nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng gồm kỹ năng áp dụng pháp luật trong việc làm, nộp, theo dõi đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng; quy định chung về khảo nghiệm DUS; nghiệp vụ tra cứu, khai thác thông tin bảo hộ giống cây trồng.

2. Cục trưởng Cục Trồng trọt phê duyệt chương trình đào tạo về đại diện quyền đối với giống cây trồng gồm nội dung, thời gian đào tạo, yêu cầu giảng viên, bộ câu hỏi kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

3. Người tham dự đầy đủ nội dung đào tạo về pháp luật quyền đối với giống cây trồng được cấp Chứng chỉ đào tạo về quyền đối với giống cây trồng. Người tham dự đầy đủ nội dung đào tạo về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và đạt điểm kiểm tra từ trung bình trở lên được coi là đạt yêu cầu về kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

---

[20] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[21] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

4. Thực hiện đào tạo về đại diện quyền đối với giống cây trồng:

a) Cục Trồng trọt thông báo cho người có yêu cầu đào tạo về nội dung, thời gian, địa điểm đào tạo và chi phí đào tạo;

b) Cục Trồng trọt tổ chức đào tạo về đại diện quyền đối với giống cây trồng và kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo chương trình được Cục trưởng Cục Trồng trọt phê duyệt;

c) Cục trưởng Cục Trồng trọt cấp Chứng chỉ đào tạo về quyền đối với giống cây trồng và phê duyệt danh sách đạt yêu cầu về kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; thông báo trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới.

Điều 24. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại điểm 5 khoản 21 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi có yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng nộp một (01) bộ hồ sơ cho Cục Trồng trọt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo mẫu tại Phụ lục 19 của Thông tư này;

b) Bản sao chụp Chứng minh thư nhân dân;

c) Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao chứng thực hoặc bản chính xuất trình để đối chiếu);

d) Bản sao chụp Chứng chỉ đào tạo về quyền đối với giống cây trồng hoặc bản chính của một trong các tài liệu sau: Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo về việc người nộp hồ sơ đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp đại học, sau đại học về đề tài quyền đối với giống cây trồng hoặc bản sao luận văn tốt nghiệp và có bản chính để đối chiếu; Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác thẩm định đơn đăng ký bảo hộ tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng hoặc đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng liên tục từ năm (05) năm trở lên.

đ) 02 ảnh 3 x 4;

e) Bản sao chụp biên lai thu phí, lệ phí hoặc bản fax giấy tờ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản của Cục Trồng trọt.

2. Trình tự, thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Cục Trồng trọt thông báo cho người nộp hồ sơ, có nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục trưởng Cục trồng trọt ký quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề cho người có hồ sơ hợp lệ và có tên trong danh sách đạt yêu cầu về kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 25. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Chứng chỉ hành nghề bị thu hồi trong trường hợp sau:

a) Người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP hoặc các quy định khác của pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Chứng chỉ hành nghề;

b) Có chứng cứ khẳng định Chứng chỉ hành nghề được cấp trái quy định, người được cấp không đáp ứng yêu cầu tại khoản điểm 5 khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề khi có căn cứ thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Trình Cục trưởng Cục Trồng trọt ban hành quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Xóa tên khỏi Sổ đăng ký quốc gia về người đại diện quyền đối với giống cây trồng;

c) Công bố trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Điều 26. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

1. Người có Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bị rách, bẩn, phai mờ đến mức không thể sử dụng được hoặc người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đã hết thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Thông tư này có quyền yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề.

2. Người có yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề nộp một (01) bộ hồ sơ cho Cục Trồng trọt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục 20 của Thông tư này;

b) 02 ảnh 3 x 4;

c) Bản sao chụp biên lai thu phí, lệ phí hoặc bản fax giấy tờ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản của Cục Trồng trọt.

3. Trình tự, thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Trồng trọt xác định tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ, gửi yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi Cục Trồng trọt nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục trưởng Cục Trồng trọt cấp lại Chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng.

4. Trường hợp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Cục Trồng trọt thì Cục Trồng trọt phải cấp lại Chứng chỉ miễn phí trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 27[22] (*được bãi bỏ*)

Điều 28[23] (*được bãi bỏ*)

Điều 29 [24] (*được bãi bỏ*)

Chương IV
GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 30. Đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng

1. Nội dung đào tạo về giám định quyền đối với giống cây trồng gồm 02 phần:

a) Pháp luật về quyền đối với giống cây trồng, gồm các quy định pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế, thỏa thuận song phương mà Việt Nam tham gia;

---

[22] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[23] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

[24] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

b) Nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng gồm kỹ năng áp dụng pháp luật trong việc xác định phạm vi bảo hộ; yếu tố xâm phạm quyền đối với giống cây trồng; sự khác biệt giữa giống được xem xét với giống được bảo hộ; giá trị quyền đối với giống cây trồng và giá trị thiệt hại.

2. Cục trưởng Cục Trồng trọt phê duyệt chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng gồm: nội dung, thời gian đào tạo, yêu cầu giảng viên, bộ câu hỏi kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng.

3. Người tham dự đầy đủ nội dung đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng và đạt điểm kiểm tra từ trung bình trở lên được coi là đạt yêu cầu về kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng.

4. Thực hiện đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng:

a) Cục Trồng trọt thông báo cho người có yêu cầu đào tạo về nội dung, thời gian, địa điểm đào tạo và chi phí đào tạo.

b) Cục Trồng trọt tổ chức đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng và kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng theo chương trình được Cục trưởng Cục Trồng trọt phê duyệt.

c) Cục trưởng Cục Trồng trọt phê duyệt danh sách đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng và thông báo Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới.

Điều 31. Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng

1. Cá nhân là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thường trú tại Việt Nam, đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng, chưa bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích, có quyền yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (sau đây gọi tắt là Thẻ giám định viên).

2. Cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải nộp một (01) bộ hồ sơ cho Cục Trồng trọt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp Thẻ giám định viên theo mẫu tại Phụ lục 23 của Thông tư này;

b) Bản sao chụp Chứng minh thư nhân dân;

c) Bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng (bản sao chứng thực hoặc bản chính xuất trình để đối chiếu);

d) Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ năm (05) năm trở lên;

đ) 02 ảnh 3 x 4;

e) Bản sao chụp biên lai thu phí, lệ phí hoặc bản fax giấy tờ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản của Cục Trồng trọt.

3. Trình tự, thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Cục Trồng trọt thông báo cho người nộp hồ sơ, có nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục trưởng Cục Trồng trọt cấp Thẻ giám định viên cho người đủ điều kiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư này; ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định quyền đối với giống cây trồng; công bố trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày cấp. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 32. Thu hồi Thẻ giám định viên

1. Thẻ giám định viên bị thu hồi trong trường hợp sau:

a) Người có Thẻ giám định viên vi phạm theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP hoặc các quy định khác của pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên;

b) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái quy định, người được cấp không đáp ứng yêu cầu tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 119/2011/NĐ-CP và khoản 1 Điều 30 của Thông tư này;

c) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoặc không thực hiện hoạt động giám định.

2. Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên

Khi có căn cứ thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Trồng trọt thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Cục trưởng Cục Trồng trọt ký quyết định thu hồi Thẻ giám định viên;

b) Xóa tên khỏi Sổ đăng ký quốc gia về người hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng;

c) Công bố trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày ký quyết định.

Điều 33. Cấp lại Thẻ giám định viên

1. Người có Thẻ giám định viên bị mất hoặc bị rách, bẩn, phai mờ đến mức không thể sử dụng được hoặc người bị thu hồi Thẻ giám định viên đã hết thời gian bị tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Thông tư này nếu có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên phải nộp một (01) bộ hồ sơ cho Cục Trồng trọt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên theo mẫu tại Phụ lục 25 của Thông tư này;

b) Thẻ giám định viên (trường hợp thẻ bị hỏng);

c) 02 ảnh 3 x 4;

d) Bản sao chụp biên lai thu phí, lệ phí hoặc bản fax giấy tờ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản của Cục Trồng trọt.

2. Trình tự, thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Trồng trọt xác định tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ, gửi yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi Cục Trồng trọt nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục trưởng Cục Trồng trọt cấp lại Thẻ giám định viên. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Cục Trồng trọt thì Cục Trồng trọt phải cấp lại thẻ giám định viên miễn phí trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 34. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức đáp ứng quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 119/2010/NĐ-CP, nếu có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) nộp một (01) bộ hồ sơ cùng với phí và lệ phí theo quy định cho Cục Trồng trọt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng theo mẫu tại Phụ lục 26 của Thông tư này;

b) Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên hoạt động cho tổ chức (bản sao có chứng thực hoặc có bản chính xuất trình để đối chiếu);

c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy đăng ký hoạt động đối với tổ chức hành nghề

luật sư (bản sao có chứng thực hoặc có bản chính xuất trình để đối chiếu), trong đó có ghi chức năng thực hiện hoạt động giám định về giống cây trồng;

d) Bảng thống kê về trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc; nguồn cơ sở dữ liệu thông tin cần thiết để thực hiện hoạt động giám định (danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh, danh mục giống được bảo hộ, các quy chuẩn kỹ thuật của UPOV và Việt Nam);

đ) Bản sao chụp biên lai thu phí, lệ phí hoặc bản fax giấy tờ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản của Cục Trồng trọt.

2. Trình tự, thời gian giải quyết:

a) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Trồng trọt xác định tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ, gửi yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi Cục Trồng trọt nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục trưởng Cục Trồng trọt cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng theo mẫu tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định quyền đối với giống cây trồng; công bố trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 35. Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức giám định có yêu cầu ghi nhận thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc thành viên trong danh sách giám định viên nộp một (01) bộ hồ sơ cho Cục Trồng trọt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai yêu cầu ghi nhận sửa đổi thông tin về Tổ chức giám định theo mẫu tại Phụ lục 28 của Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định;

c) Quyết định tuyển dụng hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với thành viên trong danh sách giám định viên của tổ chức;

d) Bản sao chụp biên lai thu phí, lệ phí hoặc bản fax giấy tờ chứng minh đã chuyển tiền vào tài khoản của Cục Trồng trọt.

2. Trình tự, thời gian giải quyết hồ sơ yêu cầu sửa đổi thông tin về tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được tiến hành tương tự như thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư này.

Điều 36. Xóa tên tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng

1. Tổ chức giám định bị xóa tên trong trường hợp:

a) Tổ chức giám định vi phạm theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức xóa tên;

b) Có chứng cứ khẳng định Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng được cấp trái quy định, tổ chức được cấp Giấy chứng nhận không đáp ứng yêu cầu tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 119/2010/NĐ-CP;

c) Tổ chức giám định từ bỏ hoặc không thực hiện hoạt động giám định.

2. Thủ tục xóa tên Tổ chức giám định

Khi có căn cứ xóa tên Tổ chức giám định theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Trồng trọt thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Cục trưởng Cục Trồng trọt ký quyết định xóa tên Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng;

b) Xóa tên khỏi Sổ đăng ký quốc gia về giám định quyền đối với giống cây trồng;

c) Công bố trên Website của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[25]

[25] Điều 3 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 quy định như sau:

"*Điều 3. Hiệu lực thi hành*

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021

2. Thông tư số 41/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý và sử dụng Mẫu giống cây trồng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Quy định chuyển tiếp:

a) Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT và các văn bản pháp luật có hiệu lực liên quan; trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký; sửa đổi, bổ sung, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Hồ sơ chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng; hồ sơ đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng; hồ sơ xử lý ý kiến phản đối của người thứ ba nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT và các văn bản pháp luật có hiệu lực liên quan.

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2013.

2. Cục trưởng Cục Trồng trọt, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để kịp thời xử lý./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 01/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

---

4. Cục trưởng Cục Trồng trọt, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./. "

Điều 3 Thông tư số 18/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2022 quy định như sau:

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Phụ lục I[26]

GIẤY ỦY QUYỀN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

1. Bên ủy quyền (chủ sở hữu giống cây trồng)

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*

Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Bên được ủy quyền (đại diện của chủ sở hữu)

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*

Ngày cấp: Nơi cấp:

3. Nội dung ủy quyền (Phạm vi, khối lượng công việc được ủy quyền)

4. Thời hạn ủy quyền

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin trong giấy ủy quyền là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đại diện bên ủy quyền	**Đại diện bên được ủy quyền**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu, nếu có)	*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu, nếu có)*

[26] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 2[27]

(Được bãi bỏ)

[27] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục II[28]

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI **ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**DẤU NHẬN ĐƠN** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

1. Chủ sở hữu giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:
2. Đại diện của chủ sở hữu giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:

ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG

Tên giống cây trồng: Số đơn/số bằng bảo hộ:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai, gồm ……. trang x ……. bản	□
□ Hợp đồng chuyển nhượng	□
□ Văn bản đồng ý của các đồng sở hữu	□
□ Bằng bảo hộ	□
□ Tài liệu chứng minh việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định đối với giống tạo ra bằng ngân sách nhà nước	□
□ Giấy ủy quyền	□
□ Tài liệu khác, cụ thể	□

CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:……. ngày…… tháng…… năm……
Chữ ký, họ tên người đăng ký
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

[28] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục III[29]

TỜ KHAI YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

TỜ KHAI **YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DẤU NHẬN ĐƠN *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

1. Chủ sở hữu giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:
2. Đại diện của chủ sở hữu giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:

CHỦ SỞ HỮU BẰNG BẢO HỘ HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC CHUYỂN GIAO ĐỘC QUYỀN

Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:

ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN NHẬN CHUYỂN GIAO

- Đối tượng: Tên giống cây trồng được bảo hộ:
- Số bằng: - Ngày cấp:
- Phạm vi chuyển giao: - Thời gian nhận chuyển giao:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai, gồm..... trang	□
□ Báo cáo năng lực tài chính	□
□ Tài liệu chứng minh cơ sở đề nghị chuyển giao bắt buộc, gồm..... trang	□
□ Giấy ủy quyền	□
□ Tài liệu khác, cụ thể:	□

CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:……. ngày…… tháng…… năm…
Chữ ký, họ tên người đăng ký
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

[29] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục IV[30]
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:
Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng
Cục Trồng trọt
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

1. Tên loài cây trồng (*Viết bằng tiếng Việt và tên La tinh*)**:**.....

2. Tên giống cây trồng: .....

3. Người đăng ký:

3.1. Chủ sở hữu giống cây trồng:

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ *(liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền)*:

.....

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Quốc tịch: .....

Điện thoại:..... Email: .....

Fax:.....

3.2. Đại diện của chủ sở hữu hoặc được chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký:

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ *(liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền)*:

.....

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Điện thoại:..... Email: .....

Fax:.....

[30] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

4. Tác giả giống đăng ký bảo hộ:

a. Tác giả chính:.....

Địa chỉ: .....

Quốc tịch: .....

Điện thoại: ..... Email:.....

Fax:.....

b. Đồng tác giả *(Lập danh sách: họ và tên, địa chỉ, quốc tịch, điện thoai, fax, email)*

6. Địa điểm chọn tạo hoặc phát hiện, phát triển giống đăng ký bảo hộ (*ghi rõ tên cơ quan, địa chỉ hoặc địa điểm*): .....

.....

7. Trường hợp giống đăng ký bảo hộ được chuyển nhượng cho chủ sở hữu, đề nghị lựa chọn hình thức chuyển nhượng sau:

[ ] Hợp đồng chuyển nhượng

[ ] Thừa kế, kế thừa

[ ] Hình thức khác (ghi rõ thông tin): .....

8. Các đơn đã nộp liên quan đến quyền đối với giống đăng ký bảo hộ (trường hợp đơn đăng ký đã được nộp ở các quốc gia khác)

Hình thức bảo hộ	Nơi nộp đơn (quốc gia/vùng lãnh thổ)	Số đơn	Tình trạng đơn	Tên giống ghi trong đơn
- Bảo hộ theo UPOV				
- Sáng chế (Patent)				
- Khác				

9. Giống đăng ký bảo hộ có tên trong danh mục giống được phép sản xuất, kinh doanh hay không

Không [ ]

Có [ ]

(Tại Quyết định số….. ngày…. tháng…. năm….. với tên giống là .....;

Hoặc hồ sơ tự công bố lưu hành được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Cục Trồng trọt ngày….. tháng…. năm…… với tên giống là.....)

10. Trường hợp đơn đăng ký có đề nghị hưởng quyền ưu tiên

Quốc gia nộp đơn trước đó:.....

Ngày nộp: ..... với tên giống là:.....

11. Tính mới về thương mại

a) Giống đã được kinh doanh trên thị trường Việt Nam

Chưa bán [ ];

Bán lần đầu tiên [ ] vào ngày….. tháng…. năm….. với tên giống là .....

b) Giống đã được kinh doanh ở nước ngoài

Chưa bán [ ];

Bán lần đầu tiên [ ] vào ngày….. tháng…. năm….. với tên giống là .....

11. Khảo nghiệm kỹ thuật (khảo nghiệm DUS)

a. Đã thực hiện:.....

- Tổ chức, cá nhân thực hiện:
- Thời gian thực hiện: vụ/năm:.....
- Địa điểm thực hiện:.....
- Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS:.....
- Đề nghị:.....

b. Đang thực hiện:.....

- Tổ chức, cá nhân thực hiện:.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Địa điểm thực hiện:.....
- Đề nghị:.....

c. Chưa thực hiện:.....

- Đề nghị hình thức khảo nghiệm DUS:

12. Vật liệu nhân của giống đăng ký bảo hộ

a. Chúng tôi cam đoan các vật liệu nhân giống được cung cấp cùng với đơn này là đại diện cho giống và phù hợp với nội dung của đơn.

b. Chúng tôi đồng ý để Văn phòng bảo hộ giống cây trồng sử dụng các thông tin cần thiết và vật liệu nhân giống trao đổi với các cơ quan liên quan có thẩm quyền của các nước thành viên UPOV, với điều kiện là quyền của chúng tôi được bảo đảm.

13. Các tài liệu có trong đơn

Phần xác nhận của người đăng ký			Kiểm tra danh mục tài liệu *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*	
a	Tờ khai đăng ký BHGCT gồm: trang x bản	☐		☐
b	Tờ khai kỹ thuật gồm trang x bản	☐		☐
c	Ảnh mô tả giống gồm: ảnh	☐		☐
d	Tài liệu chứng minh quyền đăng ký	☐		☐
đ	Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên	☐		☐
e	Giấy ủy quyền	☐		☐
f	Chứng từ nộp phí nộp đơn	☐		☐
g	Chứng từ nộp phí xin hưởng quyền ưu tiên	☐		☐
h	Tài liệu khác (nếu có) gồm: trang x bản	☐		☐

14. Cam kết của tổ chức/cá nhân đăng ký: Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Khai tại:……. ngày…… tháng…… năm……
Chữ ký, họ tên tổ chức/cá nhân đăng ký
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục V
TỜ KHAI KỸ THUẬT
(Dành cho các loài chưa có tài liệu hướng dẫn)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Tên loài cây trồng (*Viết bằng tiếng Việt và tên La tinh*)**:**.....

2. Tên giống cây trồng: .....

3. Người đăng ký

3.1. Chủ sở hữu giống cây trồng:

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ *(liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền)*:

.....

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Quốc tịch: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Fax:.....

3.2. Đại diện của chủ sở hữu hoặc được chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký:

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ: .....

Địa chỉ *(liên hệ khi cần, nơi nhận các thông báo từ cơ quan có thẩm quyền)*:

.....

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Điện thoại: ..... Email:.....

Fax:.....

4. Thông tin về quá trình chọn tạo và nhân giống của giống đăng ký

4.1. Quá trình chọn tạo

4.1.1. Lai

a. Lai có chủ đích (đề nghị nêu rõ tên bố mẹ) [ ]

Tên dòng mẹ (……..) x Tên dòng bố (…….....……..)

b. Lai có một phần đã biết (đề nghị nêu rõ phần đã biết) [ ]

Tên dòng mẹ (……..) x Tên dòng bố (…….....……..)

c. Lai không biết trước [ ]

4.1.2. Đột biến (chỉ rõ giống gốc) [ ]

4.1.3. Phát hiện và phát triển (chỉ rõ nơi và thời gian đã phát hiện và cách phát triển)

.....

.....

.....

4.1.4. Khác (đề nghị cung cấp thông tin chi tiết)

.....

.....

.....

4.2. Phương pháp nhân giống

4.2.1. Giống nhân bằng hạt

a. Tự thụ [ ]

b. Giống sinh sản vô tính [ ]

c. Giao phấn [ ]

- Quần thể [ ]
- Do người thụ phấn [ ]

d. Ưu thế lai

- Lai đơn [ ]
- Lai ba [ ]
- Lai kép [ ]
- Giống lai bất dục đực [ ]
- Giống lai hữu dục đực [ ]

đ. Dòng thuần [ ]

- Dòng bất dục đực [ ]
- Dòng hữu dục đực [ ]

e. Khác (đề nghị cung cấp chi tiết) [ ]

4.2.2. Nhân giống vô tính

a. Củ [ ]

b. Cành cắt [ ]

c. Nhân *Invitro* [ ]

d. Nhân chồi hoặc ghép [ ]

đ. Tách [ ]

e. Rễ [ ]

g. Khác (chỉ rõ phương pháp) [ ]

4.2.3. Khác (đề nghị cung cấp chi tiết)

Trường hợp đối với sơ đồ lai tạo các giống ưu thế lai được cung cấp trong một trang riêng biệt. Trang đó cần phải cung cấp chi tiết tất cả các dòng bố mẹ cần cho quá trình nhân giống lai này, chẳng hạn:

- Lai đơn: Tên dòng mẹ (……..) x Tên dòng bố (……..)
- Lai ba:

Tên dòng mẹ (……..) x Tên dòng bố (……..)

Lai đơn được sử dụng như dòng mẹ (…..) x Tên dòng bố (……..)

Và phải xác định cụ thể:

a. Dòng bất dục đực nào

b. Hệ thống duy trì dòng bất dục đực

5. Tính trạng đặc trưng (*khai chi tiết theo bảng*)

Tên tính trạng	Giống điển hình (nếu có)	Mức độ biểu hiện	Mã số
1. ….			
2. …..			
….			

6. Giống tương tự và sự khác biệt của giống tương tự và giống đăng ký

Tên giống tương tự nhất với giống đăng ký (nếu có)	Những tính trạng khác biệt giữa giống đăng ký và giống tương tự	Biểu hiện tính trạng của giống tương tự	Biểu hiện tính trạng của giống đăng ký

Ý kiến:

7. Thông tin bổ sung có thể giúp thẩm định giống

7.1. Ngoài thông tin đã cung cấp ở mục 5 và 6, có thông tin nào có thể bổ sung để đánh giá tính khác biệt của giống đăng ký

Có [ ] Không [ ]

(Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

.....

.....

7.2. Những điều kiện đặc biệt để lưu giữ giống hoặc để tiến hành thẩm định giống đăng ký

Có [ ] Không [ ]

(Nếu có đề nghị cung cấp chi tiết)

.....

.....

7.3. Thông tin khác

8. Giấy phép sản xuất

a. Giống có cần phải cấp giấy phép liên quan đến bảo vệ môi trường, sức khỏe con người và động vật trước khi đưa ra sản xuất không?

Có [ ] Không [ ]

b. Đã có giấy phép nào được cấp chưa?

Có [ ] Không [ ]

(Nếu có, đề nghị gửi kèm giấy phép)

9. Thông tin về vật liệu được thẩm định hoặc nộp để thẩm định

Tính trạng của giống đăng ký có thể bị ảnh hưởng của các yếu tố như: sâu bệnh, hóa chất (chất kích thích sinh trưởng, thuốc BVTV), nuôi cấy mô, chồi sinh trưởng được lấy từ các giai đoạn sinh trưởng khác nhau của cây…..

Không xử lý giống, làm ảnh hưởng tới sự biểu hiện các tính trạng của giống nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc yêu cầu xử lý. Nếu giống đã được xử lý, đề nghị cung cấp thông tin chi tiết về quá trình đó và chỉ rõ phương pháp theo sự hiểu biết:

a. Vi sinh vật (virus, nấm, chất kích thích sinh trưởng) Có [ ] Không [ ]

b. Hóa chất xử lý (chất kìm hãm sinh trưởng, thuốc BVTV Có [ ] Không [ ]

c. Nuôi cấy mô Có [ ] Không [ ]

d. Phương pháp khác Có [ ] Không [ ]

Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết đối với trường hợp *"có"*

Vật liệu giống cây trồng để thẩm định đã được kiểm tra nấm bệnh hoặc virus chưa?

Có [ ] (Đề nghị cung cấp chi tiết cơ quan thẩm quyền đã kiểm tra)

Không [ ]

10. Tôi xin cam đoan thông tin cung cấp trong Tờ khai này là chính xác và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ngày tháng năm

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI[31]

THÔNG BÁO CHẤP NHẬN ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỤC TRỒNG TRỌT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-TT-VPBH	*Hà Nội, ngày tháng năm*

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

Kính gửi:.....

Căn cứ Quyết định số..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ Điều..... Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ kết quả thẩm định hình thức đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Bảo hộ giống cây trồng.

Cục Trồng trọt thông báo:

1. Chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng sau:

Tên giống:

Tên loài:

Số đơn:

Ngày nộp:

Chủ sở hữu giống cây trồng, địa chỉ:

Tác giả chính giống cây trồng, địa chỉ:

Đại diện của chủ sở hữu (trường hợp nộp đơn qua đại diện), địa chỉ:

2. Đơn nói trên được chấp nhận là đơn hợp lệ từ ngày:

3. Ghi nhận tạm thời với tên giống đăng ký bảo hộ là:

4. Được hưởng quyền ưu tiên theo đơn đầu tiên số:..... Nộp tại:..... Ngày.....

5. Hình thức khảo nghiệm kỹ thuật

6. Thông báo này được công bố trên Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và website của Cục Trồng trọt./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS được công nhận; - Lưu: VT, VPBH.	**CỤC TRƯỞNG** *(Ký tên, đóng dấu)*

[31] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục VII[32]
TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DẤU NHẬN ĐƠN *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ)
1. Chủ sở hữu giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số thuế hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:
2. Đại diện của chủ sở hữu giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số thuế hoặc Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:

ĐƠN YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG Tên giống cây trồng đăng ký bảo hộ:	Số đơn:

Nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung	**Đề nghị sửa lại thành:**
□ Tên tổ chức, cá nhân đăng ký/tác giả giống	□ Tên tổ chức, cá nhân đăng ký/tác giả giống
□ Địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký/tác giả giống	□ Địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký/tác giả giống
□ Tên giống	□ Tên giống
□ Nội dung khác:	□ Nội dung khác:

Lý do yêu cầu sửa đổi, bổ sung:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai, gồm……. trang	□
□ Hợp đồng chuyển nhượng	□
□ Giấy ủy quyền	□
□ Tài liệu chứng minh quyền thừa kế, kế thừa, cụ thể:	□
□ Tài liệu khác, cụ thể:	□

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN
Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Khai tại:……. ngày…… tháng…… năm……
Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

[32] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 8[33]

(Được bãi bỏ)

[33] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục VIII[34]

BẢN KÊ KHAI CHI TIẾT ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC TỰ KHẢO NGHIỆM DUS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN KÊ KHAI CHI TIẾT ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC TỰ KHẢO NGHIỆM DUS

1. Tổ chức, cá nhân lập kế hoạch: .....
Địa chỉ: .....
Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*: .....
Ngày cấp: ..... Nơi cấp.....
Điện thoại: ..... Email: .....
Fax: .....
2. Tên giống cây trồng đăng ký khảo nghiệm:
3. Tên loài:
4. Điều kiện thực hiện khảo nghiệm:
4.1. Đất đai
- Địa điểm.
- Diện tích (m^2)
- Tình trạng pháp lý của đất (được cấp, thuê..)
- Địa hình (dốc đồi núi, đồng bằng, ven biển...)
- Loại đất, thành phần cơ giới (đất ruộng, đất bãi, đất đồi..)
- Nhà lưới, nhà kính (diện tích, trang thiết bị...):
- Tưới tiêu (tự chảy, phun mưa, nhỏ giọt...)

4.2. Trang thiết bị phân tích các chỉ tiêu theo yêu cầu khảo nghiệm:
a) Trường hợp tự phân tích:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Chỉ tiêu phân tích

b) Trường hợp hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác *(Hợp đồng số ngày tháng năm*

4.3. Nhân viên kỹ thuật

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo

4.4. Các giống tương tự với giống đăng ký khảo nghiệm:

TT	Tên giống	Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu	Các tính trạng khác biệt với giống đăng ký bảo hộ	Ghi chú

4.5. Các tài liệu khác (nếu có)

5. Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đại diện Tổ chức/cá nhân đăng ký
(Ký tên và đóng dấu)

[34] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục IX[35]

KẾ HOẠCH KHẢO NGHIỆM DUS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH KHẢO NGHIỆM DUS

1. Tổ chức, cá nhân lập kế hoạch:.....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*: .....

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Điện thoại:..... Email:.....

Fax:.....

2. Tên giống cây trồng đăng ký khảo nghiệm:

3. Tên loài:

4. Kế hoạch khảo nghiệm:

4.1. Địa điểm:

4.2. Giống đối chứng:

- Số giống:

- Tên từng giống:

4.3. Thời gian thực hiện: Nêu chi tiết thời điểm trồng, giai đoạn từ trồng đến thu hoạch...

4.4. Kế hoạch theo dõi, đánh giá các tính trạng:

4.5. Bố trí thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm, sơ đồ bố trí thí nghiệm

5. Tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV:

6. Kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc:

7. Cán bộ khảo nghiệm (họ và tên):

8. Thông tin khác (nếu có):

Tổ chức/cá nhân đăng ký

(Ký tên và đóng dấu)

[35] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục X[36]
BIÊN BẢN KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

Địa chỉ: .....

Mã số doanh nghiệp hoặc số CMND/CCCD/số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*: ..

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Fax:.....

2. Tên giống cây trồng đăng ký:

3. Tên loài:

4. Họ và tên các cán bộ thẩm định/kiểm tra:

5. Nội dung kiểm tra

5.1. Việc đáp ứng điều kiện được tự khảo nghiệm;

5.2. Việc thực hiện khảo nghiệm DUS;

5.3. Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định.

5.4. Thông tin khác (nếu có)

6. Kết quả thẩm định/kiểm tra:

7. Các lỗi yêu cầu khắc phục:

8. Các hoạt động phải thực hiện để khắc phục:

9. Kết luận (nêu rõ thời gian phải gửi báo cáo khắc phục nếu có):

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ	**ĐOÀN THẨM ĐỊNH/KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

[36] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 10[37]

(*Được bãi bỏ*)

[37] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục XI[38]

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DUS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tổ chức, cá nhân khảo nghiệm)

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DUS

1. Tên loài:

2. Tên giống đăng ký bảo hộ:

3. Số đơn:

4. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

5. Thời gian khảo nghiệm:

Ghi chi tiết thời điểm trồng, thu hoạch

6. Tổ chức/cá nhân thực hiện khảo nghiệm:

Ghi thông tin: Địa chỉ, điện thoại, fax, email.

7. Tài liệu kèm theo:

- Danh sách giống đối chứng:
- Bảng mô tả giống: Giống đăng ký, giống tương tự.
- Ảnh về các tính trạng khác biệt:
- Các tài liệu khác:

8. Quy trình khảo nghiệm:

a) Điều kiện thí nghiệm (đồng ruộng/nhà lưới)

b) Kích thước ô và số cây thí nghiệm

- Kích thước ô thí nghiệm: - Số cây/ô:

c) Phân bón:

- Lượng bón (kg/ha):
- Cách bón: (Bón lót, bón thúc…)

d) Phòng trừ sâu bệnh:

- Số lần dùng thuốc BVTV:
- Loại thuốc đã sử dụng:

[38] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

9. Nhận xét về điều kiện thời tiết trong quá trình làm thí nghiệm

10. Phương pháp theo dõi, đánh giá các tính trạng thực hiện theo tài liệu hướng dẫn/quy phạm khảo nghiệm/QCVN/TCVN về khảo nghiệm DUS sau:

11. Giống tương tự:

12. Kết quả đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định:

a) Tính khác biệt:

- Giống đăng ký khác biệt rõ ràng và chắc chắn với các giống được biết đến rộng rãi. Sự khác biệt với giống tương tự nhất thể hiện như sau:

So với với giống tương tự (tên giống)……

Tính trạng		**Vụ/năm**	**Giống đăng ký**	**Giống tương tự**	**Khoảng cách tối thiểu/$LSD_{0.05}$**

b) Tính đồng nhất:

c) Tính ổn định:

Cán bộ khảo nghiệm (Họ tên, chữ ký)	
Người kiểm tra (Họ tên, chữ ký)	

Nơi nhận:
- Văn phòng BHGCT;
- Tổ chức, cá nhân có giống khảo nghiệm;
- Lưu:

Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo nghiệm
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Xác nhận của Tổ chức khảo nghiệm được công nhận
(Trường hợp tổ chức/cá nhân tự thực hiện khảo nghiệm DUS phối hợp với tổ chức khảo nghiệm được công nhận)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục XII[39]

BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

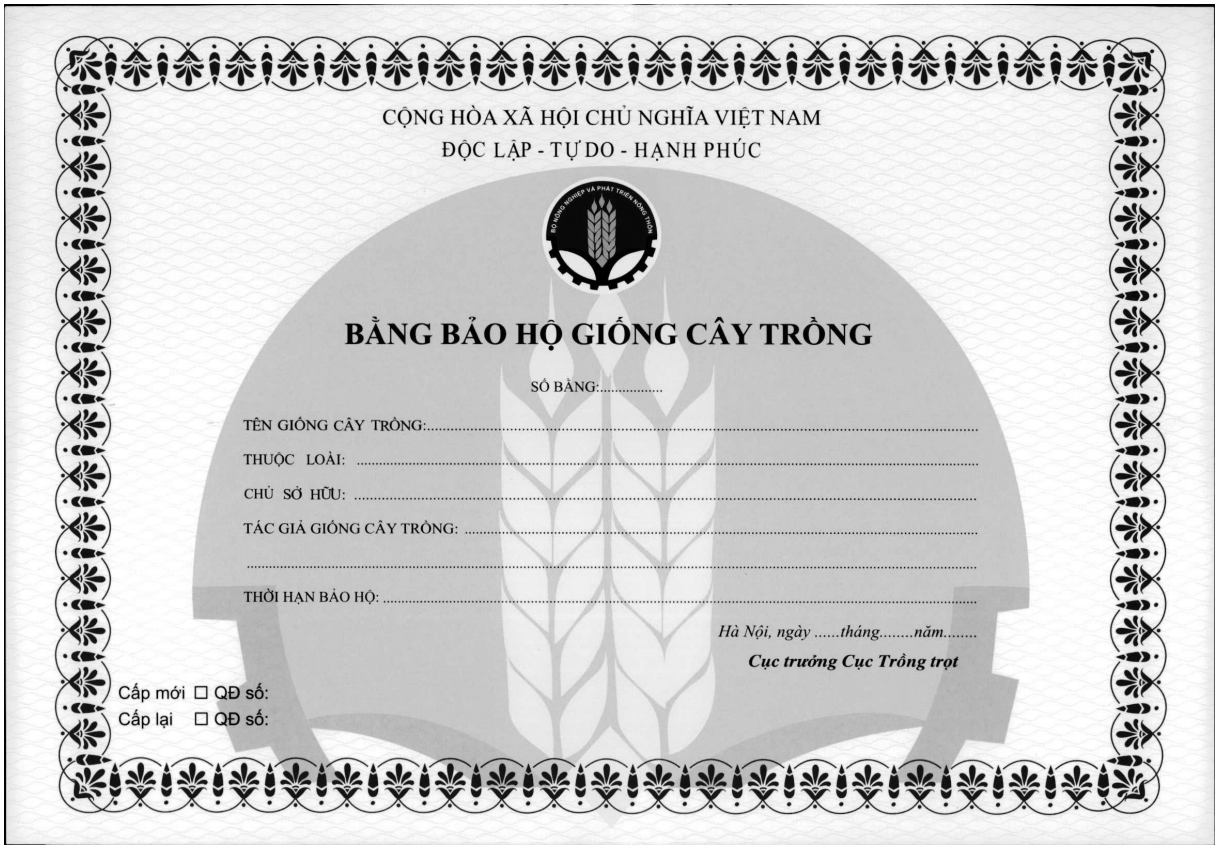
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

SỐ BẰNG:.....

TÊN GIỐNG CÂY TRỒNG:.....

THUỘC LOÀI: .....

CHỦ SỞ HỮU: .....

TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG: .....

.....

THỜI HẠN BẢO HỘ: .....

Hà Nội, ngày .....tháng.....năm.....

Cục trưởng Cục Trồng trọt

Cấp mới ☐ QĐ số:

Cấp lại ☐ QĐ số:

[39] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục XIII[40]

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP LẠI BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI YÊU CẦU **CẤP LẠI BẰNG BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DẤU NHẬN ĐƠN *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ)

1. Chủ sở hữu giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:
2. Đại diện của chủ sở hữu giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng:
Tên tổ chức/cá nhân:
Địa chỉ:
Mã số doanh nghiệp hoặc Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân *(trường hợp người đăng ký là cá nhân)*
Điện thoại: Fax: E-mail:

BẰNG BẢO HỘ ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

Tên giống: Số bằng:

LÝ DO CẤP LẠI

THÔNG TIN CẦN THAY ĐỔI (NẾU CÓ)

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai, gồm…….trang x …….bản	□
□ Hợp đồng chuyển nhượng	□
□ Tài liệu pháp lý khác chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ của chủ bằng bảo hộ	□
□ Giấy ủy quyền	□
□ Bản chính bằng bảo hộ giống đăng ký	□

CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: … ngày… tháng… năm…
Chữ ký, họ tên tổ chức/cá nhân đăng ký
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

[40] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 17[41]

(Được bãi bỏ)

[41] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021

Phụ lục 18[42]

(Được bãi bỏ)

[42] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 19
MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

TỜ KHAI **YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**DẤU NHẬN ĐƠN** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

CHỦ ĐƠN
(Cá nhân yêu cầu đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng)

Họ và tên:
Địa chỉ:
Điện thoại: E-mail:

NỘI DUNG YÊU CẦU
□ Đào tạo về pháp luật quyền đối với giống cây trồng
□ Đào tạo về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng
□ Chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai theo mẫu	□
□ Bản sao chụp chứng minh thư nhân dân	□
□ Bản sao chụp Bằng tốt nghiệp đại học	□
□ Bản sao chụp chứng chỉ tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng	□
□ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm 5 khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật SHTT:	□
□ Tài liệu xác nhận thời gian công tác và công việc đã làm	□
□ Tài liệu xác nhận của trường ĐH về luận văn tốt nghiệp	□
□ Hai ảnh 3 x 4	□
□ Chứng từ nộp lệ phí	

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại…….. ngày… tháng... năm…
Chữ ký, họ tên chủ đơn
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 20

MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI **YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**DẤU NHẬN ĐƠN** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

CHỦ ĐƠN

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng)

Họ và tên:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

LÝ DO CẤP LẠI CHỨNG CHỈ	**CHỨNG CHỈ CŨ**
□ Chứng chỉ bị mất □ Chứng chỉ bị hỏng	□ Số Chứng chỉ:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai theo mẫu □ Chứng chỉ cũ (trường hợp chứng chỉ bị hỏng) □ Chứng từ phí, lệ phí	□ □ □

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:…… ngày… tháng… năm…

Chữ ký, họ tên của chủ đơn

(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 21[43]

(Được bãi bỏ)

[43] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 22[44]
(Được bãi bỏ)

[44] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Phụ lục 23

MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày tháng năm

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DẤU NHẬN ĐƠN *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

CHỦ ĐƠN
(Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng)

Họ và tên:
Địa chỉ:
Điện thoại: E-mail:

NỘI DUNG YÊU CẦU
□ Đào tạo nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng
□ Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai theo mẫu	□
□ Bản sao chụp chứng minh thư nhân dân	□
□ Bản sao chụp Bằng tốt nghiệp đại học	□
□ Bản sao chụp chứng chỉ tốt nghiệp khóa đào tạo nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng (nếu có)	□
□ Tài liệu chứng minh đã trực tiếp làm công tác chuyên môn trong lĩnh vực giống cây trồng từ 5 năm trở lên	□
□ 02 ảnh 3 x 4	□
□ Chứng từ nộp lệ phí	

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại…….. ngày… tháng... năm…
Chữ ký, họ tên chủ đơn
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 24

MẪU THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN

QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Số: …../GĐV

Ảnh
3 x 4cm

Họ và tên:……..……..

Địa chỉ thường trú:……..……...

Giấy CMND (số):…… **do Công an**..…… **cấp ngày**……

Chữ ký
của Người được cấp Thẻ

CỤC TRƯỞNG
CỤC TRỒNG TRỌT

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số……../QĐ-TT-BHGCT ngày….. tháng..…. năm…… của Cục trưởng Cục Trồng trọt.

2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định quyền đối với giống cây trồng và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.

3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Có chứng cứ khẳng định Thẻ được cấp trái với quy định pháp luật;

b) Người được cấp Thẻ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 119/2011/NĐ-CP và khoản 1 Điều 30 của Thông tư số /2012/TT-BNNPTNT;

c) Người được cấp Thẻ bị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật;

d) Người được cấp Thẻ từ bỏ hoạt động giám định.

Phụ lục 25

MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI **YÊU CẦU CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**DẤU NHẬN ĐƠN** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

CHỦ ĐƠN

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng)

Họ và tên:

Địa chỉ:

Điện thoại: E- mail:

LÝ DO CẤP LẠI CHỨNG CHỈ	**CHỨNG CHỈ CŨ**
□ Thẻ bị mất □ Thẻ bị hỏng	□ Số Thẻ:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai theo mẫu □ Thẻ cũ (trường hợp thẻ bị hỏng) □ Hai ảnh 3 x 4 □ Chứng từ phí, lệ phí	□ □ □ □

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:…… ngày… tháng… năm…

Chữ ký, họ tên của chủ đơn

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 26
MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI **YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**DẤU NHẬN ĐƠN** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

CHỦ ĐƠN

(Tổ chức yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng)
Tên tổ chức:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: E-mail:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*
□ Tờ khai theo mẫu	□
□ Bản sao chụp Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên hoạt động cho tổ chức;	□
□ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy đăng ký hoạt động đối với tổ chức hành nghề luật sư	□
□ Bảng thống kê về trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc, nguồn cơ sở dữ liệu thông tin cần thiết để thực hiện hoạt động giám định	□
□ Chứng từ phí, lệ phí	□

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:……. ngày… tháng… năm…
Chữ ký, họ tên chủ đơn
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 27

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỤC TRỒNG TRỌT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TT- BHGCT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

Căn cứ Thông tư số / /TT-BNNPTNT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 119/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Điều 30 của Thông tư số /2012/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng,

CHỨNG NHẬN:

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số Giấy CMND	Số Thẻ giám định viên

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 28

MẪU TỜ KHAI YÊU CẦU GHI NHẬN SỬA ĐỔI THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI **YÊU CẦU GHI NHẬN SỬA ĐỔI THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** Kính gửi: Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**DẤU NHẬN ĐƠN** *(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

CHỦ ĐƠN

(Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng yêu cầu ghi nhận sửa đổi thông tin)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

THÔNG TIN CẦN SỬA ĐỔI

□ Tên tổ chức

□ Địa chỉ

□ Thay đổi liên quan đến danh sách thành viên hoặc người đại diện quyền đối với giống cây trồng

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**
	(Dành cho cán bộ nhận đơn)
□ Tờ khai theo mẫu	□
□ Bản sao chụp Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi	□
□ Quyết định tuyển dụng giám định viên	□
□ Quyết định chấm dứt HĐLĐ với giám định viên	□
□ Chứng từ phí, lệ phí	□

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:……. ngày… tháng… năm…

Chữ ký, họ tên chủ đơn

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)